

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v: “Yêu cầu hủy giấy đăng ký
kết hôn và không công nhận là vợ
chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lương Thanh Hải
2. Ông: Trương Văn Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện B,
tỉnh Thanh Hoá.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*
Bà: Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.
Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh
Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng
8 năm 2023 về: “Yêu cầu hủy giấy đăng ký kết hôn, không công nhận là vợ chồng”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng
9 năm 2023 giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm: 1990
Trú tại: Khu phố C, thị trấn Ng, huyện Ng, Thanh Hóa.
Có mặt.
- *Bị đơn:* Chị Hà Thị Đ1, sinh năm: 1997
Trú tại: Thôn Q, xã Th, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Người làm chứng: Ông Phạm Xuân Á (Bố đẻ anh Phạm Xuân Đ)
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn
anh Phạm Xuân Đ trình bày: Anh và chị Hà Thị Đ1 tự do tìm hiểu trong khoảng 8
tháng, tự nguyện kết hôn theo tập quán từ khoảng tháng 01/2016 và đăng ký kết
hôn tại UBND xã Ng (Nay là thị trấn Ng), huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa ngày

14/4/2016 sau khi sinh con. Tuy nhiên anh và chị Đ1 chưa ký vào giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn do bố đẻ của anh đi đăng ký (Thời điểm đó vợ anh mới sinh con đang trong giai đoạn ở cữ, anh thì đi làm xa). Cuộc sống hôn nhân diễn ra bình thường, sau khi sinh con được khoảng 06 tháng, Hôm đó anh đi làm thì bố đẻ anh gọi điện nói chị Đ1 đi mua cháo cho con từ 09 giờ đến nay là khoảng 15, 16 giờ chiều mà không thấy về, không rõ đi đâu, anh gọi điện thì chị Đ1 không cầm máy và gửi tin nhắn cho anh nói là gửi xe ở quán cháo tôi xuống mà lấy. Từ đó đến nay chị Đ1 không về chung sống với gia đình anh nữa, anh không rõ nguyên nhân vì sao chị Đ1 bỏ đi. Cuối tháng 7/2023 chị Đ1 về nói muốn ly hôn với anh nhưng sau đó không đến. Anh thấy thực tế vợ chồng đã không cùng chung sống 07 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai, ai cũng đã có cuộc sống riêng. Hôn nhân không cùng mục đích xây dựng gia đình vì vậy anh đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận kết hôn đồng thời không công nhận anh và chị Hà Thị Đ1 là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị Đ1 có 01 con chung, cháu Phạm Tuấn Sang, sinh ngày 28/3/2016. Từ nhỏ đến nay cháu ở với anh và gia đình bên nội. Chị Đ1 bỏ đi khi con mới 6 tháng, không quan tâm, để ý, không hỏi han con dù chỉ 1 lần, ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Đ1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ.

Bị đơn chị Hà Thị Đ1 tại bản tự khai ngày 29/8/2023 trình bày: Chị và anh Đ1 tự do tìm hiểu trong khoảng hơn 01 tháng, sau đó chị có thai, khi chị mang thai 7 tháng thì hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 2015. Chị không được đi đăng ký kết hôn, tháng 7/2023 anh Đ1 yêu cầu ly hôn và đề nghị chị về để giải quyết thì chị mới được biết chị và anh Đ1 có 01 Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/2016, tuy nhiên giấy chứng nhận kết hôn chị không được ký và cũng không có chữ ký của anh Đ1. Thực tế chị không biết và không được đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc mà việc đi đăng ký kết hôn là do bố chồng chị là ông Phạm Xuân Ánh tự đi đăng ký kết hôn mà không có sự đồng ý của chị, việc kết hôn giữa chị và anh Đ1 do thời điểm đó chị còn quá trẻ, mới đủ 18 tuổi đã phải làm mẹ, làm vợ vì vậy chưa kịp thích nghi với cuộc sống hôn nhân và trách nhiệm với gia đình, trong khi đó anh Đ1 mỗi khi say rượu lại là đánh, dọa chém chị. Vì vậy khi con được khoảng 08 tháng chị đã để con lại cho anh Đ1 và bên nội nuôi dưỡng và chuyển về nhà ngoại sinh sống. Nay anh Đ1 yêu cầu ly hôn, xét thấy hai bên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay là 07 năm, không ai còn quan tâm đến ai, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn nhưng do thực tế chị không được đi đăng ký kết hôn vì vậy chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Đ1 là vợ chồng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 14/4/2016 của UBND xã Ngọc Khê (Nay là thị trấn Ngọc Lặc), huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

- Về con chung: Chị và anh Phạm Xuân Đ có 01 con chung là Phạm Tuấn S, sinh ngày 28/3/2016, từ nhỏ đến nay cháu ở với anh Đ1 và bên nội vì vậy ly hôn

chị đồng ý để cho anh Đ1 tiếp tục nuôi con và chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại đơn đề nghị ngày 29/8/2023 chị Hà Thị Đ1 trình bày: Quá trình anh Đ1 yêu cầu ly hôn với chị có xuất trình 01 Giấy chứng nhận kết hôn có tên của chị và anh Đ1 nhưng không có chữ ký của chị và anh Đ1. Chị thừa nhận hôn nhân của chị và anh Đ1 là tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng, nhưng không có đăng ký kết hôn, việc có giấy đăng ký kết hôn giữa chị và anh Đ1 tại UBND xã Ng, huyện Ng, chị không biết vì sao anh Đ1 lại có Giấy chứng nhận kết hôn để xuất trình cho Tòa án. Đề nghị Tòa án không công nhận việc chung sống giữa chị và anh Đ1 là vợ chồng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh Đ1. Chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án xét thấy vụ án chị Hà Thị Đ1 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, anh Đ1 đề nghị không hòa giải, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà Thị Đ1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 1 điều 14, điều 15; Điều 81.82.83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17, 18 Luật hộ tịch 2014; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Xuân Đ. Đề nghị Tòa án hủy giấy đăng ký kết hôn số 25 ngày 14/4/2016 của UBND xã Ngọc Khê (Nay là thị trấn Ngọc Lặc), giữa anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 do hai bên không tự nguyện, không có chữ ký của hai bên, trong sổ lưu tại UBND xã có tên nhưng không đúng ngày tháng năm sinh. Do đó không đúng pháp luật

Đề nghị không công nhận quan hệ chung sống giữa anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn Sang, sinh ngày 28/3/2016 cho anh Phạm Xuân Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến đủ tuổi thành niên, chị Đ1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Đ1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Anh Phạm Xuân Đ, chị Hà Thị Đ1 không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh Phạm Xuân Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Hà Thị Đ1 có hộ khẩu tại thôn Quyết Thắng, xã Thiết Ống, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn trái pháp luật được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ chung sống với nhau giữa Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 là tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tuy nhiên anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 đều thừa nhận anh chị không được đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng (Nay là thị trấn Ng), huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/4/2016. Việc đăng ký kết hôn của hai anh chị do bố của anh Phạm Xuân Đ là ông Phạm Xuân Ánh tự đi đăng ký kết hôn sau khi vợ chồng anh sinh con.

Tại bản trình bày ngày 20/9/2023 và tại phiên tòa ông Phạm Xuân Ánh (Bố đẻ của anh Phạm Xuân Đ) thừa nhận thời điểm đó chị Hà Thị Đ1 vừa mới sinh con, anh Phạm Xuân Đ thì đi làm ăn xa, vì để có giấy khai sinh cho cháu nên ông đã tự đi đăng ký kết hôn tại UBND xã để làm giấy khai sinh cho cháu, lúc đó anh Đ1 đi làm, vợ anh Đ1 mới sinh con nên không lên ký sổ, về vợ anh Đ1 bỏ đi nên Giấy chứng nhận kết hôn không ký được.

Tại biên bản xác minh ngày 06/9/2023 tại UBND thị trấn Ngọc Lặc ông Phạm Văn S, phó chủ tịch UBND thị trấn Ng cho biết: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn quyển số 01 năm 2016 của UBND xã Ng (Nay là TT Ng) có thể hiện việc đăng ký kết hôn của anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 tại số 25, ngày 14/4/2016. Trong sổ đối với thông tin của chị Hà Thị Đ1 thì sai ngày sinh, anh Phạm Xuân Đ thì sai ngày tháng năm sinh, trong sổ cũng có lưu chữ ký của hai bên vợ chồng là “Đ1”, thông tin trong sổ lưu có sự sai lệch do công chức tư pháp làm sai. Năm 2016 ông Sơn là Phó chủ tịch UBND xã Ng, việc đăng ký kết hôn do công chức tư pháp thực hiện và trình ký giấy chứng nhận kết hôn. Do đây là người thân của công chức tư pháp nên ông tin tưởng và có ký xác nhận vào Giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

HĐXX xét thấy: Anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn, sau khi sinh con không tự mình đi đăng ký kết hôn, không ký trong giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy đã vi phạm về hình thức kết hôn vi phạm điểm b khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình 2014, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 18 (tại Mục 2) Luật hộ tịch 2014. Vì vậy, yêu cầu

hủy giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật của anh Phạm Xuân Đ là có căn cứ và được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 14, điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 là vợ chồng.

4] Về con chung: Anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn Sang, sinh ngày 28/3/2016. Anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 đều đồng ý giao cháu An Nhiên cho anh Phạm Xuân Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến đủ tuổi thành niên, chị Đ1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Xuân Đ phải chịu 300.000đ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 1 điều 14, điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17, 18 (tại Mục 2) Luật hộ tịch 2014; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên hủy giấy đăng ký kết hôn số 25 ngày 14/4/2016 của UBND xã Ng (Nay là thị trấn Ng), huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa giữa anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 do vi phạm về hình thức không có sự tự nguyện, không có chữ ký của hai bên và không có trong sổ lưu.

Không công nhận quan hệ chung sống giữa anh Phạm Xuân Đ và chị Hà Thị Đ1 là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn S, sinh ngày 28/3/2016 cho anh Phạm Xuân Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến đủ tuổi thành niên, chị Hà Thị Đ1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Hà Thị Đ1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Anh Phạm Xuân Đ, chị Hà Thị Đ1 không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh Phạm Xuân Đ phải chịu 300.000đ án phí Yêu cầu hủy giấy đăng ký kết hôn và không công nhận là vợ chồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: AA/2022/0001932 ngày 23/8/2023. Anh Phạm Xuân Đ đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30-Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Khê (Nay là thị trấn Ng), huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huyền

Hà Văn Bình

Vũ Văn Nga